TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DSST
Ngày 20/8/2019
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

Ông Lương Thường Tín

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Cường - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên *tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1957, trú tại: Thôn KC 3, xã PhC, tp HY, tỉnh HY.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc A, Luật sư, Văn phòng luật sư HG, Đoàn luật sư tỉnh HY.

2. Bị đơn: Bà Đào Thị B, sinh năm 1963, trú tại: Thôn KC 3, xã PhC, tp HY, tỉnh HY.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1958, trú tại: Thôn 7, XP, huyện EAKAR, ĐL.

3.2. Bà Đào Thị Th, sinh năm 1961, trú tại: Thôn KC 3, xã PhC, tp. HY, HY.

3.3. Bà Đào Thị T, sinh năm 1966, trú tại: Thôn KC 3, xã PhC, tp. HY, HY.

3.4. Bà Đào Thị M, sinh năm 1968, trú tại: Thôn 7, XP, huyện EAKAR, ĐL.

3.5. Bà Đào Thị Đ1, sinh năm 1970, trú tại: Thôn KC 2, xã PhC, tp. HY, HY.

3.6. Ủy ban nhân dân tp HY, tỉnh HY.

Địa chỉ: 568 Triệu Quang Phục, Phường HN, tp HY, HY.

Đại diện theo ủy quyền là ông **Bùi Văn C** - Trưởng phòng tài nguyên môi trường tp HY. (Theo Quyết định ủy quyền số 936 ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND tp HY).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đào Thị H trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Đào Văn Đ2 và Đào Thị H1 lấy nhau sinh được 7 người con gồm Bà Đào Thị Đ, Đào Thị Th, Đào Thị B, Đào Thị T, Đào Thị M, Đào Thị Đ1 và bà. Cụ Đ2 chết năm 2014, Cụ H1 chết năm 2000. Khi chết các cụ đều không để lại di chúc phân chia tài sản. Tài sản chung của hai cụ để lại gồm: 1 ngôi nhà cấp 4, cây ăn quả lâu năm trên diện tích 711m^2 đất thuộc thửa số 57 tờ bản đồ số 16 thôn KC 3, PhC, tp HY, tỉnh HY. Cụ Đ2 trước khi chết có tặng cho Bà B 1 phần đất là tài sản chung của bố mẹ bà và Bà B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà khởi kiện yêu cầu:

- Chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại cho chị em bà theo pháp luật.
- Xem xét hợp đồng tặng cho tài sản của Cụ Đ2 và Bà B đối với phần vượt quá phần quyền định đoạt của Cụ Đ2 trong khối tài sản chung.
- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà B.

Bị đơn bà Đào Thị B trình bày:

Bà B thống nhất với Bà H lời khai về bố mẹ, các chị em trong gia đình, khối tài sản chung của bố mẹ là hai cụ Đ2, H1 tạo lập. Việc hai cụ mất không để lại di chúc. Về tài sản trên đất, Bà B khai đối với ngôi nhà cấp 4 danh nghĩa là bố mẹ xây nhưng thực chất là tiền của bà. Năm 2000, sau khi Cụ H1 mất, Cụ Đ2 là người quản lý toàn bộ khối tài sản gồm 711m^2 đất và tài sản trên đất. Năm 2011, Cụ Đ2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, Cụ Đ2 tặng cho bà 455m^2 đất theo hợp đồng tặng cho 000032/2013/HĐTCQSDĐ ngày 18/01/2013. Diện tích còn lại của Cụ Đ2 là 256m^2. Sau khi được tặng cho đất, bà làm thủ tục kê khai và được UBND huyện KĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 007736 ngày 10/4/2013.

Quan điểm của bà là: 455m^2 đất Cụ Đ2 cho và bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc quyền sử dụng của bà. Đối với 256m^2 đất còn lại, bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất Cụ Đ2 cho bà, bà không có nhu cầu sử dụng vì đã xuống cấp trầm trọng. Nếu các chị em của bà có yêu cầu thì đề nghị tháo dỡ trả lại cho bà đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Đào Thị Th, Đào Thị T, Đào Thị Đ1 thống nhất với lời khai của Bà H về bố mẹ, các chị em, nguồn gốc tài sản tranh chấp, việc tặng cho đất giữa Cụ Đ2 và Bà B. Ba bà nhất trí quan điểm khởi kiện của Bà H. Bà Th, Bà Đ1 đề nghị được nhận thừa kế và giao kỷ phần thừa kế của mình cho Bà H quản lý;

Bà T đề nghị giao kỷ phần của mình được hưởng cho Bà B quản lý sử dụng và không yêu cầu Bà B phải thanh toán.

- Bà Đào Thị M thống nhất với lời khai của Bà H về bố mẹ, các chị em, nguồn gốc tài sản tranh chấp, việc tặng cho đất giữa Cụ Đ2 và Bà B năm 2013. Bà nhất trí việc khởi kiện của Bà H và đề nghị giải quyết theo pháp luật. Phần bà được hưởng thừa kế bà sẽ tặng cho Bà H. Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.
- Bà Đào Thị Đ cũng thống nhất với lời khai của Bà H và các chị em về việc bố mẹ mất không để lại di chúc, thời gian mất, các chị em trong gia đình, nguồn gốc tài sản tranh chấp, việc tặng cho đất giữa Cụ Đ2 và Bà B. Đối với

ngôi nhà cấp 4 do bố mẹ bà xây năm 1992, khi đó Bà B có ở cùng bố mẹ nên có đóng góp công sức vào việc xây dựng ngôi nhà. Bà không đề nghị giải quyết ngôi nhà này. Đối với việc tặng cho đất giữa Cụ Đ2 và Bà B, bà nhất trí, nếu phần tặng cho của Cụ Đ2 vượt quá phần cụ được định đoạt thì bà cũng không yêu cầu Bà B phải hoàn trả. Phần đất còn lại sau khi trừ đi 455m^2 đất Bà B được tặng cho sẽ chia đều cho 6 người con còn lại gồm: bà, Bà H, Bà Th, T, M, Đ1. Bà xin nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền và đề nghị được giải quyết xét xử vắng mặt.

Xác minh tại UBND xã PC thể hiện:

Nguồn gốc đất tranh chấp theo bản đồ 299 năm 1984 là thửa số 10, tờ bản đồ số 10 diện tích 717m^2, có tứ cận: Nam 20,4m; Bắc 19,5m; Đông 35,1m; Tây 35m đứng tên cụ Đào Văn Đ2 trong sổ mục kê. Theo bản đồ năm 2002 đứng tên Cụ Đ2 diện tích 736m^2 (Có tứ cận: Nam 20,56m; Bắc 18,8m; Đông 36,6m; Tây 38m). Do nhầm lẫn về số liệu kích thước nên năm 2011, Cụ Đ2 được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 565835 mang tên Đào Văn Đ2 diện tích 711m^2 (có tứ cận Nam 20,6m; Bắc 18,8m; Đông 35,3m; Tây 36,7m) thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 16. Năm 2013, Cụ Đ2 tặng cho Bà B 455m^2 đất trong đó: 200m^2 đất ở, 111m^2 đất LNQ, 144m^2 đất HNK. Bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 007736 ngày 10/4/2013. Theo hồ sơ Vlap2013: Cụ Đ2 đứng tên thửa 163 tờ bản đồ số 16 diện tích 264m^2; Bà B đứng tên tại thửa số 57 tờ bản đồ số 16 diện tích 455,8m^2.

Tại phiên tòa ngày 25/6/2019, các đương sự thừa nhận trong diện tích tranh chấp có một phần diện tích đất nông nghiệp của cụ Đ2, Cụ H1 và các con bị trừ vào đất vườn. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa và qua làm việc với UBND xã PC xác định: Hộ Cụ Đ2 năm 1993 bị trừ 300m^2 đất nông nghiệp của 5 khẩu gồm cụ Động, cụ Hòa, Bà B, Bà T, Bà M (mỗi khẩu bị trừ 60m^2).

Đối với tiêu chuẩn đất nông nghiệp bị trừ 60m^2/khẩu vào đất vườn: Bà T đề nghị giao phần đất nông nghiệp của bà bị trừ vào đất vườn cho Bà B quản lý sử dụng. Bà M đề nghị giao phần của mình cho Bà H quản lý sử dụng. Giữa các bà tự thanh toán với nhau mà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Diện tích thực tế hai thửa 57 và 163 là 745,7m^2 chênh lệch so với diện tích hợp pháp theo bìa đỏ (711m^2) là 34,7m^2. Ông Đào Mạnh C - địa chính xã PC cho biết thửa đất tranh chấp có đất dôi dư địa phương chưa xử lý và thuộc đất nằm trong quy hoạch mở rộng mương phía cuối thửa đất. Thửa đất hiện không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Kết quả định giá tài sản: Đất ở 1.000.000đ/m^2; đất HNK 500.000đ/m^2; đất LNQ 510.000đ/m^2; giá trị sử dụng của các tài sản cố định trên đất còn lại là 50.000.000đ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX giao phần đất có nhà cho nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đã

chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên đề nghị áp dụng các Điều 609, 611, 612, 623, 649, 651, 652, 654, 660 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H.

Xác nhận hợp đồng tặng cho giữa Cụ Đ2 và Bà B vô hiệu một phần; các Bà B, M, T mỗi người có 60m^2 đất nông nghiệp bị trừ vào đất vườn thừa HNK của hộ cụ Đ2. Đề nghị trừ số diện tích ruộng trên, xác định phần còn lại là di sản thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Đào Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà B nên theo khoản 5 Điều 26 và Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ "Tranh chấp về thừa kế tài sản" do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Đào Thị H chết năm 2000, cụ Đào Văn Đ2 chết năm 2014 nên yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của Cụ H1 và Cụ Đ2 của bà Đào Thị H là trong thời hiệu yêu cầu chia di sản theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

[2]. Về người thừa kế và hàng thừa kế:

Cụ Đ2 và Cụ H1 sinh được 7 người con gồm: Đào Thị H, Đào Thị Đ, Đào Thị Th, Đào Thị M, Đào Thị T, Đào Thị Đ1, Đào Thị B là hàng thừa kế thứ nhất và đều được hưởng phần di sản bằng nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[3] Về di sản:

Căn cứ lời khai của các đương sự, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, cung cấp của UBND xã PC, xác định di sản của hai cụ Đ2, H1 để lại như sau:

- Trong 711m^2 đất tranh chấp (đất ở 300m^2, đất LNQ 111m^2, đất HNK 300m^2). Có 300m^2 đất nông nghiệp của 5 khẩu gồm cụ Đ2, cụ H1, Bà B, Bà M, Bà T bị trừ vào đất vườn HNK vào năm 1993, mỗi khẩu 50m^2. Để xác định di sản của hai cụ, cần phải trừ đi tiêu chuẩn đất ruộng của các Bà B, M, T.

Do vậy, di sản của hai cụ Đ2, H1 là: 300m^2 đất ở, 111m^2 đất LNQ, 120m^2 đất HNK; Có giá trị đất là 416.610.000đ. Cùng các tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4, bếp, sân, tường, cổng sắt, nhà tắm, bể nước có giá trị còn lại là 50.000.000đ. Tổng trị giá di sản là **466.610.000đ**. Đối với một số cây ăn quả trồng trên đất, các đương sự đều không yêu cầu xem xét nên không đặt ra giải quyết. Khi chia hiện vật nếu cây thuộc phần đất của ai thì người đó có quyền quản lý, sử dụng.

Việc Bà B cho rằng ngôi nhà cấp 4 trên đất do bà bỏ tiền ra xây nhưng bà không có căn cứ chứng minh. Tuy nhiên, bà là người ở cùng bố mẹ cho đến khi các cụ mất đi, trực tiếp chăm sóc hai cụ khi ốm đau, có công sức đóng góp vào việc xây dựng tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ, công sức

bảo quản và quản lý di sản. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của bà, cần trích cho Bà B một phần di sản quy ra tiền là 16.610.000đ.

Di sản còn lại để phân chia thừa kế là 450.000.000đ. Cụ H1, Cụ Đ2 có công sức ngang nhau nên mỗi người có ½ giá trị tài sản = 225.000.000đ.

Chia di sản thừa kế:

- Thời điểm Cụ H1 mất năm 2000, di sản của Cụ H1 là 225.000.000đ. Chia thừa kế cho 8 kỷ phần gồm Cụ Đ2 và 7 người con, mỗi kỷ phần sẽ được 28.125.000đ.

- Phần tài sản của Cụ Đ2 trong khối tài sản chung là: 225.000.000đ + 28.125.000đ (phần Cụ Đ2 thừa kế của cụ H1) = 253.125.000đ.

***Phần tài sản Bà B được hưởng gồm có**: Phần tài sản hợp pháp của Cụ Đ2 mà cụ có quyền tặng cho, 120m^2 đất nông nghiệp của Bà B và Bà T bị trừ vào đất vườn thừa HNK; kỷ phần thừa kế của Bà B, Bà T từ cụ H1, tiền công sức của Bà B. Tổng giá trị tài sản Bà B được quyền quản lý, sử dụng theo quy định là: 253.125.000đ + 28.125.000đ x 2 (phần Bà B, Tiệm được thừa kế từ cụ H1) + 16.610.000đ (tiền công sức trông nom, quản lý) + 120m^2 đất x 500.000đ/m^2 = 385.985.000đ.

***Phần tài sản Bà H được quản lý sử dụng:** Do các Bà Th, Đ1, M tự nguyện nhượng và giao kỷ phần của mình cho Bà H quản lý; Bà M giao 60m^2 đất nông nghiệp bị trừ vào đất vườn cho Bà H; Bà Đ xin nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền. Bà H nhất trí nhận toàn bộ kỷ phần của các đồng thừa kế còn lại (trừ Bà B, Bà T) và sẽ có trách nhiệm trả tiền cho cho các kỷ phần có yêu cầu. Nên sẽ giao toàn bộ kỷ phần của các Bà Th, Đ, M, Đ1 cho Bà H quản lý. Bà H được quản lý sử dụng phần tài sản có giá trị là: 28.125.000đ x 5 + 60m^2 x 500.000đ/m^2 = 170.625.000đ. Bà H có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế cho Bà Đ 28.125.000đ.

*** Xem xét việc tặng cho của Cụ Đ2 đối với Bà B thì thấy:**

Cụ Đ2 có quyền định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung vợ chồng tương ứng với trị giá tài sản là 253.125.000đ. Căn cứ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng ngày 18/01/2013 số công chứng 000032/2013/HĐTCQSDSĐ quyển số 01 của Văn phòng Công chứng Kim Động, có chữ ký và điểm chỉ của Cụ Đ2 và Bà B. Về hình thức, hợp động tặng cho phù hợp với quy định của pháp luật. Về nội dung hợp đồng: Cụ Đ2 tặng cho Bà B 455m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất ở, 111m^2 đất LNQ, 144m^2 đất HNK) có tổng trị giá là **327.500.000**đ. Như vậy, việc tặng cho của Cụ Đ2 vượt quá phần quyền định đoạt của cụ là **74.375.000**đ. Việc nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu xem xét phần tặng cho vượt quá và yêu cầu bị đơn phải hoàn trả là có cơ sở, được chấp nhận.

[4].Phân chia hiện vật như sau:

Về phần tài sản gồm nhà đất Bà B đang quản lý sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 007736 ngày 10/4/2013:

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ kèm theo. Bà B hiện đang quản lý: Diện tích đất 455m^2 (200m^2 đất ở, 111m^2 đất LNQ, 144m^2 đất HNK) trị giá 328.610.000đ; tài sản trên đất gồm: nhà cấp 4 (20 triệu đồng), bếp (7 triệu đồng), bể nước (5 triệu đồng), sân gạch (2 triệu đồng), nhà tắm (2 triệu

đồng), 5,28m^2 sân xi măng (400.000đ), 11,65 mét tường rào phía trước giáp đường đi (3.008.000đ), 11,73 mét tường rào phía sau giáp ruộng (1.856.000đ), tường rào từ cổng vào và cổng sắt (5.000.000đ); trị giá các tài sản trên đất là 46.264.000đ. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 374.874.000đ.

Xét thấy, mặc dù phần tài sản Cụ Đ2 tặng cho Bà B vượt quá phần của cụ có quyền định đoạt. Tuy nhiên, phần Bà B được hưởng (385.985.000đ**)** lại nhiều hơn phần của Cụ Đ2 đã tặng cho, và nhiều hơn cả phần tài sản nhà đất Bà B đang quản lý sử dụng (374.874.000đ). Do vậy, để các bên sử dụng tài sản ổn định, không phải tháo dỡ công trình cũng như không phải làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây lãng phí. Cần giao cho Bà B quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 455m^2 được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 007736 ngày 10/4/2013 của UBND huyện Kim Động cùng tài sản trên đất là hình ABCD theo sơ đồ tại thôn KCh 3, xã PC, tp HY, tỉnh HY. Tạm giao phần đất dôi dư phía sau thửa đất (là hình CDEF diện tích 17,6m^2) cho Bà B tiếp tục quản lý chờ xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Giao cho bà Đào Thị H được quản lý, sử dụng phần đất BGHF diện tích 273,1m^2 trong đó diện tích hợp pháp là 256m^2 (100m^2 đất ở, 156m^2 đất HNK), diện tích dôi dư 17,1m^2, cùng tài sản trên đất là một phần tường bao phía trước và phía sau, 7,92m^2 sân xi măng. Tổng trị giá 181.736.000đ. Phần đất dôi dư 17,1m^2 tạm giao cho Bà H chờ xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bà H phải trả Bà B 11.111.000đ tiền chênh lệch tài sản và trả cho Bà Đ 28.125.000đ.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo)

[4] . Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000đ theo các biên lai ngày 26/9/2018, 05/7/2019, 22/7/2019. Theo quy định tại Điều 157, 165 BLTTDS, đương sự phải chịu chi phí trên giá trị tài sản được phân chia. Chia theo phần, Bà H phải chịu 1.382.311đ; Bà B phải chịu 6.617.689đ. Do Bà H đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền 8.000.000đ nên Bà B phải hoàn trả cho Bà H 6.617.689đ.

[5] Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, 34, 37, 147, 157, 165, 228, 235, 264, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 654, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Đào Thị H.

Xác nhận 300m^2 đất ở, 111m^2 đất LNQ, 120m^2 đất HNK; Có giá trị đất là 416.610.000đ. Cùng các tài sản trên đất có giá trị còn lại là 50.000.000đ. Tổng trị giá di sản là 466.610.000đ là di sản thừa kế của hai cụ Đào Văn Đ2 và cụ Đào Thị H1 để lại.

Áng trích công sức duy tu, tôn tạo, phát triển tài sản, công chăm sóc phụng dưỡng Cụ Đ2 và Cụ H1 cho bà Đào Thị B là 16.610.000đ.

Xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đào Văn Đ2 và bà Đào Thị B có hiệu lực một phần.

- Chia cho Bà Đào Thị H được quản lý, sử dụng phần đất BGHF diện tích 273,1m^2 trong đó diện tích hợp pháp là 256m^2 (100m^2 đất ở, 156m^2 đất HNK), diện tích dôi dư 17,1m^2. Phần đất dôi dư 17,1m^2 tạm giao cho Bà H chờ xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Giao cho Bà B được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 007736 ngày 10/4/2013 của UBND huyện Kim Động cùng tài sản trên đất được giao (là hình ABCD theo sơ đồ) diện tích 455m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 111m^2 đất LNQ, 144m^2 đất HNK) tại thôn KCh3, xã PC, tp HY, tỉnh HY. Tạm giao phần đất dôi dư 17,6m^2 phía sau thửa đất (là hình CDEF) cho Bà B tiếp tục quản lý chờ xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

- Đối trừ với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản Bà B phải trả Bà H. Bà H phải trả chênh lệch tài sản cho Bà B 4.493.311đ.

- Bà Đào Thị H phải trả cho bà Đào Thị Đ 28.125.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất được giao sử dụng theo quyết định của bản án này tại cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền.

[2]. Bác yêu cầu của bà Đào Thị H về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 007736 ngày 10/4/2013 của UBND huyện Kim Động cấp cho bà Đào Thị B.

[3].Về án phí:

- Bà Đào Thị H phải chịu 7.125.000đ án phí sơ thẩm dân sự, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ Bà H đã nộp tại biên lai thu số 0000130 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự tp HY. Bà H còn phải nộp 2.125.000đ.

- Bà Đào Thị B phải chịu 19.299.250đ án phí sơ thẩm dân sự.

- Bà Đào Thị Đ phải chịu 1.406.250đ án phí sơ thẩm dân sự.

[**4]. Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Trung Thực

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS tp Hưng Yên;
- Luật sư;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, TDS.